

CHÍNH SÁCH & THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

# Cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh quốc tế hóa Nhân dân tệ

TS. PHẠM THỊ HOÀNG ANH - LƯƠNG THỊ THU HÀ

*Học viện Ngân hàng*

*Tiếp theo và hết*





## 1. Cơ hội và thách thức cho cán cân thương mại Việt Nam- Trung Quốc trong bối cảnh quốc tế hóa CNY

### 2.1. Diễn biến và triển vọng quốc tế hóa CNY

Từ năm 2008, Ngân hàng Trung ương (NHTW) Trung Quốc đã ký thỏa thuận hoán đổi tiền tệ với 5 quốc gia, gồm Argentina, Indonesia, Belarus, Malaysia, Hàn Quốc và đặc khu kinh tế Hongkong. Trong đó, giá trị hoán đổi giữa Trung Quốc với Argentina là 70 tỷ CNY (10,2 tỷ USD) vào ngày 29/3/2009; với Indonesia là 100 tỷ CNY (14,7 tỷ USD) vào ngày 23/3/2009; với Belarus là 20 tỷ CNY (2,9 tỷ USD) vào ngày 11/3/2009; với Malaysia là 80 tỷ CNY (11,7 tỷ USD) vào ngày 8/2/2009; với Hàn Quốc là 180 tỷ CNY (26,4 tỷ USD) vào ngày 12/12/2008 và với Đặc khu kinh tế Hồng Kông là 200 tỷ CNY (29,3 tỷ USD) vào ngày 20/01/2009.

Năm 2010, Trung Quốc đã có nhiều bước đi mạnh mẽ để quốc tế hoá đồng CNY như cho phép 20 tỉnh, thành phố thực hiện các giao dịch thương mại quốc tế bằng đồng CNY; ký các thỏa thuận trao đổi tiền tệ với Hàn Quốc, Hongkong, Malaysia, Indonesia, Belarus và Argentina. Đặc biệt, từ ngày 22/11/2010, Trung Quốc cho phép đồng CNY giao dịch hối đoái với đồng Rúp của Nga, động thái sẽ giúp tạo điều kiện thuận tiện cho hoạt động thương mại song phương giữa Nga và Trung Quốc, cũng như giúp phát triển hoạt động thanh

toán thương mại bằng đồng CNY<sup>1</sup>. Tính đến nay, NHTW Trung Quốc đã kí hoán đổi tiền tệ với 20 quốc gia.

Bên cạnh kí kết hợp đồng hoán đổi tiền tệ, tháng 01/2010, Trung Quốc và 6 nước ASEAN đã cam kết xóa bỏ hàng rào thuế quan đối với 90% các mặt hàng trong giao dịch thương mại. Hiện các hợp đồng bằng CNY chỉ chiếm 10% trong thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN, và sẽ tăng lên 30% trong 5 năm tới. Bằng cách ủng hộ việc sử dụng CNY như tiền tệ thanh toán, Trung Quốc giảm thiểu được nguy cơ về tỉ giá mà các xí nghiệp xuất khẩu của Trung Quốc phải đối mặt. Thêm vào đó, tháng 6/2010, Trung Quốc cũng đã hủy bỏ quy định neo tỉ giá đồng CNY phụ thuộc đồng USD, song song đó là kéo dài kế hoạch khuyến khích doanh nghiệp Trung Quốc sử dụng đồng CNY để giao dịch thương mại xuyên biên giới. Sau đó Trung Quốc cũng tiến hành nâng giá CNY vào năm 2011 và gần đây nhất vào ngày 16/4/2012, Trung Quốc đã thực hiện nới rộng biên độ dao động tỷ giá USD/CNY từ  $\pm 0,5\%$  lên  $\pm 1\%$ .

Trong tháng 7/2010, Iran và Trung Quốc đã đàm phán để sử dụng đồng CNY trong giao dịch dầu mỏ và các dự án hợp tác khác. Theo các thỏa thuận, các quốc gia này sẽ sử dụng đồng CNY thay thế đồng USD

<sup>1</sup> Theo bộ phận phân tích thông tin kinh tế - EIU (thuộc Tạp chí The Economist của Anh)

trong các hợp đồng mua bán với các đối tác Trung Quốc, nhằm tăng cường hoạt động thương mại và đầu tư song phương. Ngoài ra, các giao dịch thương mại hiện nay tại Trung Quốc được phép mua bán đồng CNY với đồng USD, EUR, Yên Nhật, HKD và GBP.

Tháng 8/2010, Trung Quốc đã đồng ý cho một số ngân hàng và tổ chức tài chính lớn của châu Á đầu tư vào thị trường trái phiếu của nước này. Tính đến nay, các ngân hàng ở Hongkong, Macau và một số ngân hàng nước ngoài khác đã tham gia giao dịch ở thị trường trái phiếu liên ngân hàng nội địa Trung Quốc với số tiền lên đến 19.500 tỉ CNY (2.871 tỉ USD). Tiêu biểu là vào ngày 21/10/2010, ADB phát hành thành công trái phiếu tại Hong Kong (Trung Quốc) có thời hạn 10 năm bằng đồng CNY, lãi suất 2,85%/năm, đáo hạn ngày 21/10/2020. Ngày 04/01/2011, Ngân hàng Thế giới (WB) phát hành đợt trái phiếu đầu tiên bằng CNY với quy mô lên đến 500 triệu (tương đương với hơn 75,55 triệu USD). Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm, thời gian đến hạn là ngày 14/01/2013. Đây là lần đầu tiên WB phát hành trái phiếu bằng CNY nên nhận được đánh giá tốt AAA/AAA. Ngày 18/4/2012, HSBC đã có kế hoạch phát hành trái phiếu bằng CNY tại London (kỳ hạn 3 năm tại lãi suất 3-3,25%). Đây sẽ là trái phiếu bằng đồng CNY đầu tiên tại London, đặt dấu mốc trong nỗ lực của Thành phố này để trở thành



trung tâm giao dịch CNY đầu tiên nằm ngoài lãnh thổ Trung Quốc.

Một số sự kiện khác liên quan đến quá trình quốc tế hóa đồng CNY: Tháng 9/2011, NHTW Nigeria tuyên bố sẽ chuyển đổi từ 5-10% lượng dự trữ ngoại tệ sang đồng CNY. Cuối tháng 12/2011, Nhật Bản và Trung Quốc đã ký hiệp ước kinh tế thỏa thuận nhằm thúc đẩy thương mại trực tiếp bằng việc sử dụng tiền tệ 2 nước là CNY và đồng yên chứ không phải chuyển đổi thông qua đồng USD.

Tóm lại, những năm gần đây nền kinh tế Trung Quốc đã có những phát triển vượt bậc, đặc biệt trong thương mại quốc tế. Kéo theo đó là sự tăng lên về nhu cầu đồng CNY đã đặt ra vấn đề quốc tế hóa CNY để đáp ứng nhu cầu đầu tư, thương mại của các bên tham gia, đồng thời đa dạng giỏ tiền dự trữ nhằm cải cách hệ thống tiền tệ quốc tế. Về phía mình, Trung Quốc cũng khẳng định tham vọng hoàn thành quốc tế hóa CNY vào năm 2015 và đã có những động thái tích cực hướng đến mục tiêu này như tăng cường các giao dịch bằng đồng CNY trong quan hệ với các đối tác thương mại và kêu gọi các nước khác dự trữ bằng CNY, thúc đẩy thanh toán bằng CNY ở nước ngoài nhằm mở rộng thị trường tài chính. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng đang cố gắng có những nới lỏng trong việc kiểm soát sự dịch chuyển của luồng vốn, tạo điều kiện để thị trường vốn

phát triển theo hướng linh hoạt hơn.

## **2.2. Cơ hội và thách thức cho cán cân thương mại Việt Nam- Trung Quốc trong bối cảnh quốc tế hóa CNY**

### *Cơ hội*

Trước tiên, xét tới những ảnh hưởng mang tính ngắn hạn và trung hạn, một khi CNY được quốc tế hóa, yếu tố tỷ giá sẽ là nhân tố chi phối những biến đổi cho cả Việt Nam và Trung Quốc. Tỷ giá song phương CNY/VND tăng là điều tất yếu trong hoàn cảnh này. Bởi quốc tế hóa đồng nghĩa với việc Chính phủ Trung Quốc sẽ phải thả nổi đồng CNY, ngay lập tức lực lượng thị trường sẽ vào cuộc để đưa CNY về đúng vị trí của nó và CNY sẽ tăng sau những năm tháng bị đánh giá thấp thậm tệ bởi chính sách tỷ giá của Trung Quốc hay CNY sẽ mạnh lên so với VND. Điều này sẽ ảnh hưởng tới nền kinh tế ngoại thương Việt Nam và Trung Quốc, thể hiện ở các vấn đề sau:

*Thứ nhất*, quốc tế hóa CNY sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực sản xuất cũng như làm suy giảm sức cạnh tranh thương mại quốc tế của của Trung Quốc, hàng của Trung Quốc sẽ đắt lên so với hàng của Việt Nam. Điều này sẽ hạn chế nhập khẩu và tăng cường xuất khẩu giúp cải thiện cán cân thương mại song phương Việt Nam- Trung Quốc, mở ra một cơ hội cho Việt Nam. Đây là một cơ hội lớn và Việt Nam nên có những chuẩn bị để nắm lấy thị trường Trung Quốc.

**N**ếu CNY được quốc tế hóa, yếu tố tỷ giá sẽ là nhân tố chi phối những biến đổi cho cả Việt Nam và Trung Quốc. Tỷ giá song phương CNY/VND tăng là điều tất yếu trong hoàn cảnh này. Bởi quốc tế hóa đồng nghĩa với việc Chính phủ Trung Quốc sẽ phải thả nổi đồng CNY, ngay lập tức lực lượng thị trường sẽ vào cuộc để đưa CNY về đúng vị trí của nó và CNY sẽ tăng sau những năm tháng bị đánh giá thấp thậm tệ bởi chính sách tỷ giá của Trung Quốc hay CNY sẽ mạnh lên so với VND. Điều này sẽ ảnh hưởng tới nền kinh tế ngoại thương Việt Nam và Trung Quốc.

Dân số đông, thu nhập bình quân đầu người thấp và vị trí giao thương thuận lợi là những điều kiện tốt để Việt Nam tiến tới thâm nhập thị trường này. Trước tình hình sản xuất và qui mô vốn hoạt động cũng như trình độ quản lý của Việt Nam bên cạnh sự áp đảo tuyệt đối của nền sản xuất Trung Quốc, cách lựa chọn thông minh nhất cho Việt Nam là hạn chế những điểm yếu và đẩy mạnh những điểm ưu mới mong nắm



bất được cơ hội này.

*Thứ hai*, quốc tế hóa CNY sẽ làm tăng thêm phần sôi động cho thị trường vốn ở Việt Nam và cụ thể là luồng vốn đầu tư nước ngoài sẽ tìm đến Việt Nam nhiều hơn để khai thác ưu thế tài nguyên, vị trí giao thương thuận lợi và tận dụng cơ hội về giá khi tiền đồng suy yếu. Hiện nay, luồng vốn đầu tư từ Trung Quốc tồn tại ở Việt Nam tương đối ít và không đa dạng ngành, thực tế vốn đầu tư từ Trung Quốc thường thấp hơn số đăng ký rất nhiều và nằm chủ yếu ở các mảng khai khoáng và giao thông bởi thời gian qua, việc định giá CNY thấp khiến mảnh đất giàu tài nguyên của Trung Quốc là nơi lý tưởng để đặt cơ sở sản xuất hơn bất kỳ nơi nào khác, vì vậy đầu tư của nước ngoài sang những nước khác hầu như tập trung cho việc thúc đẩy hỗ trợ sản xuất trong nước. Nhưng về lâu về dài, với sức sản xuất như vậy, chính quyền Trung Quốc chắc chắn sẽ phải tính toán đến việc tìm kiếm nguồn tài nguyên ở những quốc gia khác và đặc biệt sự giảm giá của tiền đồng sẽ khiến những nhà sản xuất của Trung Quốc quan tâm nhằm khai thác tài nguyên và tận dụng cơ hội về giá. Đầu tư của Trung Quốc sang Việt Nam trong ngành công nghiệp sản xuất sẽ tăng nhưng chủ yếu nằm trong những ngành công nghiệp nhẹ, sản xuất chế biến sản phẩm tiêu dùng bên cạnh sự tăng cường đầu tư vào các dự án khai khoáng, giao thông, điện lực, dầu thô.

Với khả năng nắm bắt thị trường nhanh nhạy, nhiều khả năng, những nhà đầu tư Trung Quốc sẽ tập trung vốn cho những sản phẩm tiềm năng của Việt Nam để hướng vào thị trường Trung Quốc. Như đã phân tích nguyên nhân, người dân Trung Quốc rất ưa thích hàng ngoại và họ sẵn sàng trả giá cao để có được những sản phẩm mang thương hiệu nổi tiếng. Nhà đầu tư Trung Quốc hiểu điều đó và họ sẽ mạnh tay đầu tư vào những sản phẩm tại Việt Nam có thể xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm, từ đó đẩy mạnh sức tiêu thụ sang thị trường rộng lớn Trung Quốc và thậm chí có thể lan rộng ra khắp thế giới. Ví dụ như cà phê, trà, cao su, đồ thủ công mỹ nghệ cao cấp từ gỗ, về nông sản sẽ hướng vào những sản phẩm đặc sản của Việt Nam để chế biến thành sản phẩm đóng hộp... Bên cạnh đó, những nhà đầu tư cũng gia nhập vào những dự án mở rộng thị trường của những sản phẩm nổi tiếng Châu Âu ở Việt Nam. Sau khi tập trung khai thác thành công những sản phẩm này, những nhà đầu tư Trung Quốc sẽ có thể xuất trở lại thị trường Trung Quốc và khả năng được đón nhận là tương đối cao vì họ đã quá hiểu thị trường, cung cách kinh doanh ở quê hương mình. Nhờ đó, cán cân thương mại song phương Việt Nam- Trung Quốc sẽ có cơ hội được cải thiện và thị trường lao động ở Việt Nam sẽ khởi sắc hơn.

Bên cạnh luồng vốn đầu tư

từ Trung Quốc, những luồng vốn FDI, vốn đầu tư từ những quốc gia phát triển, sau những đợt khủng hoảng và áp lực về sự cạnh tranh bất bình đẳng từ phía Trung Quốc không còn, sẽ quay trở lại và có thể tăng mạnh. Đầu tư từ những nước này thường mang theo công nghệ cao và những kinh nghiệm quản lý tốt, tạo cơ hội cho Việt Nam thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế và tăng cường năng lực sản xuất cho những doanh nghiệp trong nước. Điều này sẽ nâng cao sức cạnh tranh thương mại của Việt Nam trên trường quốc tế, hướng tới cải thiện cán cân thương mại song phương Việt Nam- Trung Quốc. Tuy nhiên, các doanh nghiệp FDI nên thay đổi cung cách làm việc theo hướng tích cực hơn để đạt được nhiều thành công hơn từ cơ hội mà triển vọng hóa CNY mang lại.

#### *Thách thức*

Bên cạnh những cơ hội mở ra, triển vọng quốc tế CNY không khỏi đem lại những âu lo cho những nhà hoạch định chính sách cũng như nền kinh tế sản xuất trình độ tương đối thấp của Việt Nam. Theo nghiên cứu của nhóm tác giả thì những thách thức đáng lưu tâm nhất xoay quanh việc CNY lên giá trong bối cảnh hiện tại sẽ nằm chủ yếu trong những cơ hội mà triển vọng quốc tế CNY mang lại bởi những điểm rỗng trong nền sản xuất của Việt Nam.

*Thứ nhất*, tỷ giá tăng làm suy giảm sức cạnh tranh thương



mại của Trung Quốc và gia tăng sức cạnh tranh thương mại của Việt Nam. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng này phụ thuộc vào sự tăng giá của CNY trong tương lai. Bởi những ảnh hưởng tích cực mà tín hiệu tỷ giá mang lại đã phân tích ở trên chỉ dựa trên lý thuyết, còn về thực tế điều này có thể sẽ ngược lại. Hiện nay, sự phụ thuộc vào tỷ giá trong mối quan hệ giữa kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam với Trung Quốc không phải là nhỏ. Việt Nam muốn giành lấy cơ hội tăng cường xuất khẩu sang Trung Quốc khi CNY lên giá không phải là đơn giản. CNY lên giá, chi phí nguyên liệu đầu vào nhập khẩu từ Trung Quốc để sản xuất hàng xuất khẩu sẽ tăng cao vì tỷ trọng rất lớn, với năng lực sản xuất còn nhiều thiếu sót và năng lực tài chính hạn hẹp, không thể đầu tư vào công nghệ cao để giảm giá thành, sẽ đẩy giá bán của sản phẩm lên cao. Thậm chí có thể lượng cung từ Trung Quốc đến Việt Nam sẽ cắt giảm do CNY lên giá, bởi các nhà sản xuất Trung Quốc buộc phải nâng cao tính cạnh tranh bằng việc nâng cao công nghệ để hạ giá thành và hướng tới những sản phẩm đã chế biến hoàn tất, nhằm hưởng lợi cao hơn từ giá trị gia tăng vào sản phẩm, thay vì xuất nguyên liệu đã sơ chế, họ có thể sử dụng chính chúng cho sản xuất trong nước. Khi ấy, Việt Nam có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt hơn từ Trung Quốc. Ví dụ cho hiện tượng này là ngành may

mặc của Việt Nam với nguồn nguyên liệu sợi nhập khẩu từ Trung Quốc lên đến 70%.

Kết quả là mặc dù sức cạnh tranh thương mại của Trung Quốc suy giảm nhưng sức cạnh tranh thương mại của Việt Nam cũng suy giảm theo và mức độ có thể trầm trọng hơn bởi giá trị hàng nhập khẩu trong xuất khẩu của Việt Nam chiếm áp đảo. Bên cạnh đó, xét về hầu hết các mặt, sản xuất Trung Quốc chiếm ưu thế tuyệt đối so với sản xuất ở Việt Nam thì rất khó cho các doanh nghiệp Việt Nam có thể chiến thắng cuộc chiến chạy đua giá thành và chất lượng sản phẩm với Trung Quốc. Thêm vào đó, hàng hóa Việt Nam chưa gây được sự chú ý tại thị trường Trung Quốc, trong khi hàng Trung Quốc đã chiếm lĩnh gần như toàn bộ thị trường tiêu dùng Việt Nam, mạng lưới phân phối và tiêu thụ rộng lớn, nên nếu tỷ giá chỉ biến động giảm nhẹ thì sự lên giá của hàng nhập khẩu sẽ chỉ ảnh hưởng đến tiêu dùng của Việt Nam trong ngắn hạn và nó sẽ tái lập ở mức bình thường trong dài hạn kèm theo lạm phát ở Việt Nam sẽ gia tăng, trong khi nền kinh tế xuất khẩu có thể bị tổn thương nếu không có những chuẩn bị từ bây giờ.

Từ đó, có thể thấy việc cải thiện cán cân thương mại là có thể thực hiện được nếu Chính phủ có những chính sách phù hợp điều chỉnh cơ cấu hàng xuất khẩu.

Theo một số chuyên gia kinh tế, việc tăng giá CNY không

mang lại tác động tích cực một chiều cho thế giới như nhiều nước đang kỳ vọng. Ngay cả với các nền kinh tế đang nhập siêu từ Trung Quốc cũng vậy. Bởi phần đóng góp "thực" của Trung Quốc trong giá trị sản phẩm chỉ chiếm 20- 30%, cùng lắm là 40-50%, do ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa. Nếu CNY lên giá, Trung Quốc sẽ được hưởng lợi từ giá nhập khẩu đầu vào rẻ hơn. Tác động tiêu cực của tỷ giá chỉ khiến phần thực này nhỏ đi<sup>2</sup>. Một quan điểm khác cho rằng CNY lên giá thì thương mại Trung Quốc vào Việt Nam có thu hẹp, nhưng không đáng kể<sup>3</sup>.

*Thứ hai*, quốc tế hóa CNY có tác động đến sự di chuyển luồng vốn đầu tư, kéo theo những hệ lụy kinh tế nếu Việt Nam không có sự khắt khe trong lựa chọn. Rõ ràng khi VND yếu đi so với CNY thì đầu tư nước ngoài vào Việt Nam sẽ tăng lên. Trong đó đầu tư từ Trung Quốc sẽ tăng và thậm chí còn có cả đầu tư từ những quốc gia đã đầu tư vào Trung Quốc nhận thấy sự mạnh lên của CNY sẽ chuyển hướng sang Việt Nam. Việt Nam vẫn là một nước đang phát triển nên việc tăng thu hút đầu tư nước ngoài có tác động tích cực cho quá trình chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghệ hiện đại và

<sup>2</sup> Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam Trần Đình Thiên

<sup>3</sup> TS. Võ Trí Thành, Phó viện trưởng Viện nghiên cứu và quản lý kinh tế trung ương (CIEM)



học hỏi kinh nghiệm quản lý sẽ giúp Việt Nam cải thiện, nâng cao năng lực sản xuất góp phần tạo ra những sản phẩm chất lượng tốt phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất. Tuy nhiên, không phải bất kể luồng vốn đầu tư nào cũng được hoan nghênh ở những quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Trường hợp của Trung Quốc chính là một ví dụ cho điều này. Đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam tính cho đến thời điểm này là rất ít và hầu hết chỉ tập trung ở ngành công nghiệp cấp thấp gây ô nhiễm môi trường, mang tính chất tận dụng nguồn tài nguyên và lao động giá rẻ là chính và xu thế của đầu tư của Trung Quốc sang các quốc gia khác cũng vậy, nhằm tăng cường nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất trong nước của Trung Quốc. Bởi vậy trong tương lai, nếu dòng vốn đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam tăng thì cũng sẽ chỉ dừng ở đầu tư cho những ngành công nghiệp có công nghệ sản xuất thấp và lĩnh vực khai thác tài nguyên dầu khí của nước ta. Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư chạy khỏi Trung Quốc chần chẫn sẽ tăng nhưng chủ yếu là ở các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động như giày da, may mặc.

Mặt khác những ngành công nghiệp máy móc như máy tính điện tử có lẽ sẽ vẫn duy trì tại Trung Quốc và tăng cường cải thiện nâng cao năng lực sản xuất nhờ công nghệ bởi những ngành công nghiệp máy móc điện tử ở Trung Quốc đang rất

phát triển và đạt lợi nhuận cao từ các thị trường xuất khẩu. Những doanh nghiệp này đã hình thành cơ sở hạ tầng cũng như mạng lưới phân phối thành cụm ở vùng Hoa Nam Trung Quốc, khó để chuyển hướng di dời đầu tư sang một quốc gia khác được. Vậy nên dòng vốn đổ vào Việt Nam đa số sẽ hướng tới những ngành công nghiệp có tỷ lệ lao động, lắp ráp cao, cạnh tranh trong nước rất có thể sẽ trở nên ngày càng khốc liệt.

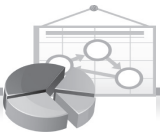
## 2. Một số giải pháp

Việc Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc có thể coi là một căn bệnh kinh niên và rất khó để chữa tận gốc bởi nó là kết quả tích tụ của nhiều năm là biểu hiện của nhiều yếu kém và chính vì vậy “nhóm giải pháp *đồng bộ*” sẽ là lời giải tốt nhất cho nhập siêu. Tuy nhiên, bên cạnh việc đi tìm hiểu kỹ những nguyên nhân cơ bản của hiện tượng này thì Việt Nam còn có rào cản về yếu tố thời gian, về tiềm lực tài chính và nhân tố con người để đi đến những quyết định cho một lời giải “chính thức”. Nhóm tác giả đưa ra một số giải pháp chính sau:

*Thứ nhất, lựa chọn chế độ tỷ giá phù hợp:* Chế độ tỷ giá dựa vào rổ tiền tệ với biên độ dao động rộng được điều chỉnh định kì- tên gọi tắt là chế độ tỷ giá BBC (Basket, Band and Crawl Regime) có thể là lựa chọn tối ưu cho Việt Nam trong trạng thái nền kinh tế hiện tại. Chế độ tỷ giá BBC được coi là chế độ tỷ giá trung gian nằm

**T**riển vọng quốc tế hóa CNY đối với Việt Nam là một tác động hai mặt. Trước tình hình sản xuất trong nước còn nhiều khó khăn, Việt Nam dường như khó có thể tận dụng được cơ hội CNY lên giá để cải thiện sức cạnh tranh thương mại đối với Trung Quốc trong ngắn hạn, thậm chí cán cân thương mại song phương Việt Nam- Trung Quốc sẽ có thể tiếp tục thâm hụt mạnh hơn. Tuy nhiên, đây là sự suy xét trên cơ sở hiện tại của nền kinh tế Việt Nam và tương lai quốc tế hóa CNY của Trung Quốc. Thực tế, CNY có quốc tế hóa được hay không đó cũng là một chặng đường dài đáng kể. Thời gian ấy, Việt Nam có thể giải quyết những bất cập trong nội tại nền sản xuất của mình để có một bộ khung vững chãi đón nhận cơ hội mà quốc tế hóa CNY mang lại khi đồng bản tệ lên giá.

giữa chế độ neo tỷ giá và chế độ tỷ giá thả nổi. Đây là chế độ tỷ giá thả nổi có sự điều tiết của Nhà nước với những đặc điểm riêng có. Hiện tại thì



VND được neo khá cứng nhắc với USD nhưng trong bối cảnh hiện nay thì tỷ giá VND cần xác định dựa vào rô tiền tệ.

**Thứ hai, xây dựng một nền sản xuất chủ động và có năng lực chính:** Đây là cơ sở để Việt Nam tiến tới thực hiện những tham vọng về kinh tế và vững vàng trong những quyết định. Bởi vậy Việt Nam cần nhanh chóng có những kế hoạch trung và dài hạn nhằm nâng cao chất lượng nền kinh tế, từ đó, thúc đẩy kinh tế ngoại thương.

**Thứ ba, đa dạng hóa danh mục hàng xuất khẩu** nên tính đến việc xây dựng và phát triển những sản phẩm mới sao cho phù hợp với thực lực quốc gia. Trước những giải pháp nhằm duy trì và phát triển thị trường xuất khẩu, Việt Nam cần rà soát những hạn chế tiêu cực có thể gây ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam cũng như xáo trộn thị trường trong nước.

**Vấn đề quan tâm 1:** Bản quyền thương hiệu sản phẩm trong nước cần được đăng ký cẩn thận, đặc biệt với những hàng hóa truyền thống đã có tên tuổi.

**Vấn đề quan tâm 2:** Hạn chế việc kinh doanh chênh lệch giá từ những thương lái Trung Quốc theo con đường tiêu ngạch không chính thức. Những thương lái Trung Quốc đến thu mua lương thực, thực phẩm của người Việt Nam với mức giá hời hơn mức thu mua của doanh nghiệp trong nước gây xáo động nguồn cung nguyên liệu đầu vào và mặt bằng giá cả của Việt Nam,

thậm chí gây ra hiện tượng thiếu cung trên thị trường. Sau khi mua hàng của Việt Nam, họ bày bán ở Trung Quốc với nhãn mác hàng xa xỉ, chạy theo nhu cầu hướng đồ ngoại, hàng “đặc sản” của người Trung Quốc để kiếm hời nhiều lần. Những thương lái này thường có động cơ trốn thuế và không tuân thủ những qui định mà pháp luật Việt Nam đặt ra, nhưng cơ quan chức năng Việt Nam hiện chưa có biện pháp trừng phạt hoặc nếu có cũng không khả thi, ngược hoàn toàn với nhà chức trách Trung Quốc xử lý việc người dân Việt Nam sang và mắc phải những lỗi tương tự.

**Vấn đề quan tâm 3:** Hoạt động kinh tế ven và quanh “khu vực biển đảo” đang khiến nhân dân e ngại về mất an toàn, điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành công nghiệp thủy sản của Việt Nam.

**Vấn đề quan tâm 4:** Những nhà kinh tế Việt Nam cần nâng cao hơn nữa hiểu biết về những thủ tục qui phạm nhằm gia tăng niềm tin với đối tác và khẳng định tác phong chuyên nghiệp của mình trên trường quốc tế.

**Vấn đề quan tâm 5:** Chất lượng là nhược điểm lớn nhất của hàng hóa Trung Quốc và cũng là một mấu chốt quan trọng cho chiến lược cạnh tranh với hàng Trung Quốc của Việt Nam.

**Vấn đề quan tâm 6:** Các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thuộc Bộ Ngoại Giao có thể trở thành bộ phận

quan trọng trong khâu thăm dò và đánh giá thị trường ở Trung Quốc. ♪

## Tài liệu tham khảo

1. Asia society RMB Handbook (3/2011). “Trading with China: The rise of offshore renminbi business”.
2. Ha Thi Hong Van and Do Tien Sam (2008) “Viet Nam- China Trade, FDI and ODA relations (1998-2008) and the Impacts upon Viet Nam”.
3. Jing LI (2006), “RMB as a Regional International Currency: Cost-benefit-Analysis and Roadmap”.
4. Paola Subacchi (2010), “One Currency, Two Systems: China’s Renminbi Strategy”.
5. Peter B Kenen (2009), “Currency internationalisation: an overview”.
6. GS.TS. Nguyễn Văn Tiến (2011), *Giáo trình Tài chính quốc tế*, NXB Thống kê, trang 295-359.
7. TS. Phạm Thị Hoàng Anh (2010), “Bàn về khả năng tăng giá của CNY Trung Quốc”, *Tạp chí Ngân hàng số 13*.
8. TS. Phạm Thị Hoàng Anh (2009), “Chế độ tỷ giá của Singapore và Trung Quốc: Lý thuyết, thực tế và những gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Ngân hàng số 10+11*.
9. Lê Tuấn Thanh (2008), “Một số giải pháp liên quan đến nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương số 10/2008*.
10. Nguyễn Minh Cường, “Tại sao Việt Nam lại nhập siêu mạnh từ Trung Quốc?”.